

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2017/HNGĐ-ST;**

Ngày: **17-7-2017.**

Vv tranh chấp: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc Thuận;**

2. Bà **Dương Hiền Huệ.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên,** thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN VĂN M,** sinh năm 1992;

Trú tại: ấp A, xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bi đơn: **LƯƠNG THỊ D,** sinh năm 1990;

Trú tại: ấp N, xã T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh M có mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:

Anh và chị Lương Thị D tự nguyện cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới đời sống vợ chồng của anh chị vẫn hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì anh và chị D tính tình không hợp nhau làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khắc phục được nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình

cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh cương quyết xin được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên Trần Trọng N, sinh ngày 20/12/2015. Hiện tại, cháu N đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh để cháu N tiếp tục sống với chị D. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có

* Bị đơn chị Lương Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, anh M yêu cầu xin ly hôn với chị D vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Chị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị D vẫn không đến tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho tòa. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh M và chị D tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Gạo cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 25/01/2016, là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với bị đơn chị Lương Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh M, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh M xin ly hôn với chị D vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã không khắc phục được nên anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Nay anh M xin ly hôn với chị D. Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị D vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh M và chị D là có thật và không khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh M trình bày, anh chị có 01 con chung tên Trần Trọng N, sinh ngày 20/12/2015. Hiện tại, cháu N đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh M để cháu N tiếp tục sống với chị D. Xét thấy yêu cầu của anh M là có cơ sở bởi cháu N dưới 36 tháng tuổi nên được

giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, chị D không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu của anh M và giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng trong hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn M.

Anh Trần Văn M được ly hôn với chị Lương Thị D.

2. **Về con chung:** Giao cháu Trần Trọng N, sinh ngày 20/12/2015 cho chị Lương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi lao động được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

2. **Về án phí:** Anh Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng trong hôn nhân. Anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai số 35146 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Nên anh phải nộp tiếp 300.000 đồng nữa là xong.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại

các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

MAI THỊ MỸ TRANG

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Kim Loan